

Bản án số: **147/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 02 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Ông Trần Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 645/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sỳ Tuấn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Minh T, sinh năm 1967

Quốc tịch: Úc

Địa chỉ: New South Wales 2200, Australia.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là bà Sỳ Tuấn H trình bày:

Bà Sỳ Tuấn H và ông Triệu Minh T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/3/2018 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45. Sau khi kết hôn một tháng, ông Triệu Minh T trở lại Australia sinh sống và làm việc còn bà Sỳ Tuấn H ở lại Việt Nam. Từ đó đến nay ông bà không sống chung với nhau.

Đến đầu năm 2019 ông bà phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý và hạn chế về thời gian nên không còn tình cảm với nhau nữa, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi bên đều có cuộc sống riêng. Từ tháng 3/2019 đến nay, ông bà không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh không thể hàn gắn được, cũng không đoàn tụ gia đình được. Mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên bà Sỳ Tuấn H yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho bà được ly hôn với ông Trieu Minh T để ông bà sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trieu Minh T có văn bản trình bày ý kiến đã được Tổng Lãnh sự quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận chữ ký ngày 20/12/2019, nội dung trình bày:

Ông Trieu Minh T và bà Sỳ Tuấn H và tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/3/2018 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau một tháng tại Việt Nam rồi ông Trieu Minh T trở lại Australia sinh sống và làm việc còn bà Sỳ Tuấn H ở lại Việt Nam. Từ đó đến nay ông bà không sống chung với nhau. Ông đồng ý ly hôn với bà Sỳ Tuấn H vì ông bà sống xa nhau đã lâu, khác biệt về văn hóa, khoảng cách địa lý nên không còn tình cảm với nhau nữa.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Trieu Minh T và bà Sỳ Tuấn H đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Sỳ Tuấn H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin ly hôn với ông Trieu Minh T hiện đang sinh sống tại Úc. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Sỳ Tuấn H và ông Trieu Minh T tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 10/02/2020 nhưng bà H và ông Tu cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Sỳ Tuấn H và ông Trieu Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/3/2018 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Sỳ Tuấn H và ông Trieu Minh T trình bày thì sau khi kết hôn ông Tu về Australia sinh sống, bà H ở Việt Nam. Ông bà đều thừa nhận hai bên có mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý, hai bên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau trong suốt thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn vì vậy hai bên thống nhất ly hôn. Vì vậy, khi bà H khởi kiện xin ly hôn, ông Tu đã gửi văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà H, vì vậy yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông Tu là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Sỳ Tuấn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Sỳ Tuấn H và ông Trieu Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Sỳ Tuấn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sỳ Tuấn H được ly hôn với ông Trieu Minh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Sỳ Tuấn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Sỳ Tuấn H đã nộp theo biên lai thu tạm tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0045058 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Sỳ Tuấn H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Sỳ Tuấn H được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Triệu Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương